

Số: 04/2024/CBTT-SBL

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU
 - Mã chứng khoán: SBL
 - Địa chỉ: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, P. 8, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
 - Điện thoại: 02913780781 Fax: 02913780567
 - Email: bsgbaclieu@gmail.com Website: biasaigonbaclieu.com
- Nội dung thông tin công bố: Thư mời và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/03/2024 tại đường dẫn: www.biasaigonbaclieu.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

Tài liệu đính kèm:

- Thư mời;
- Chương trình Đại hội;
- Tài liệu Đại hội;



Trịnh Công Vinh

Số: 01/2024/TM-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 03 năm 2024

**THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (Công ty) trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty, cụ thể như sau:

- Thời gian: 15^h00 ngày 19 tháng 04 năm 2024
- Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
Lô B5, KCN Trà Kha, Phường 8, Tp. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chương trình và tài liệu họp: Để xem tài liệu họp và chi tiết nội dung của Đại hội, Quý cổ đông vui lòng truy cập website của Công ty tại địa chỉ: <http://www.biasaigonbaclieu.com/>
- Thành phần tham dự: Tất cả Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 18/03/2024.
- Các vấn đề khác:
 - Cổ đông không trực tiếp tham dự có thể ủy quyền cho người/tổ chức khác tham dự theo mẫu Giấy ủy quyền đính kèm.
 - Cổ đông hoặc Bên nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu hợp lệ, Giấy ủy quyền tham dự Đại hội (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội).
 - Mọi chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí khác trong thời gian dự họp Đại hội do người tham dự tự chi trả.

Địa chỉ nhận đăng ký tham dự:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU

Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

Điện thoại: 02913780781; Mr. Đồng 0964663669; Email: huynhvandongsgbl@gmail.com

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.

Trân trọng kính mời!

Hồ sơ gửi kèm:

- Giấy đăng ký tham dự
hoặc ủy quyền.



Phạm Thị Hồng Hạnh



GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ HOẶC ỦY QUYỀN

(Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU

Tên cổ đông:
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
CMND/CCCD/Passport/CNĐKDN số: cấp ngày tại
Địa chỉ:
Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: cổ phần
(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP

2. ỦY QUYỀN CHO CÁ NHÂN/TỔ CHỨC DƯỚI ĐÂY

Tên cá nhân/tổ chức
CMND/CCCD/Passport/CNĐKDN số: cấp ngày tại
Địa chỉ:
Số cổ phần ủy quyền: cổ phần
Người được ủy quyền tham dự (nếu bên được ủy quyền là tổ chức):
Hoặc:

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT của Công ty theo danh sách dưới đây:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số cổ phần ủy quyền
1	Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch HĐQT	<input type="checkbox"/>	
2	Trần Nguyên Trung	Thành viên HĐQT	<input type="checkbox"/>	
3	Nguyễn Văn Đồi	Thành viên HĐQT	<input type="checkbox"/>	
4	Phạm Hồng Minh	Thành viên HĐQT	<input type="checkbox"/>	
5	Nguyễn Xuân Hải	Thành viên HĐQT	<input type="checkbox"/>	

(Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (X) bên cạnh tên thành viên mà Quý cổ đông chọn ủy quyền, hoặc chỉ chọn ủy quyền cho một người toàn bộ số cổ phần sở hữu; hoặc trường hợp muốn ủy quyền cho nhiều người, đề nghị Quý cổ đông ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên).

Nội dung ủy quyền:

- Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho Bên ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết đối với các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 để thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật, của Điều lệ Công ty và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền số lượng cổ phần sở hữu của bên ủy quyền cho người khác, và phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu khi tham dự họp.
- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền Bản chính và có chữ ký của hai bên; phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức (trừ trường hợp bên nhận ủy quyền là TV HĐQT của Công ty). Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Ngày tháng năm 2024

Cổ đông /Bên ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Bên nhận ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thời gian : 15h00, ngày 19 tháng 04 năm 2024
Địa điểm : Hội trường Nhà máy Bia Sài Gòn – Bạc Liêu,
Lô B5, KCN Trà Kha, Phường 8, thành phố Bạc Liêu

Thời gian	Chương trình
15h00 – 15h30 (30 phút)	- Đón tiếp cổ đông và đại biểu;
	- Kiểm tra tư cách cổ đông và phát tài liệu;
15h30 – 15h35 (05 phút)	- Giới thiệu khách mời;
	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội;
15h35 – 15h40 (05 phút)	Giới thiệu nhân sự Đại hội: Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu
	- Thông qua nhân sự Đại hội
	- Thông qua Chương trình Đại hội;
15h40 – 16h00 (20 phút)	Chương trình nghị sự
	- Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2023 và định hướng năm 2024
	- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023
	- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán
	- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024
	- Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2023
	- Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024
	- Tờ trình Quyết toán thù lao năm 2023 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty
	- Tờ trình Kế hoạch thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty
	- Tờ trình về việc ký hợp đồng và giao dịch cần ĐHCĐ thông qua
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	
16h00 – 16h10 (10 phút)	Thảo luận
16h10 – 16h20 (10 phút)	- Hướng dẫn biểu quyết
	- Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo và các Tờ trình Đại hội
	- Ban kiểm phiếu Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
16h20 – 16h25 (05 phút)	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
16h25 – 16h30 (05 phút)	Tuyên bố bế mạc Đại hội
16h30 – 18h	Mời HĐQT, cổ đông, khách mời dùng tiệc tại NM Bia SGBL

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thị Hồng Hạnh

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 04 năm 2024

DỰ THẢO

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu năm 2024 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị ("HDQT") xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. MỤC ĐÍCH:

- Quy chế tổ chức được xây dựng nhằm đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu năm 2024 (sau đây gọi tắt là ĐHĐCĐ hoặc Đại hội) diễn ra đúng quy định.
- Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

II. NỘI DUNG QUY CHẾ:

1. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ:

- Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/người được ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Mục II, thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Mục II, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội:

Các cổ đông của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu theo danh sách chốt ngày 18/03/2024 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần có quyền biểu quyết của mỗi người đại diện.

- Khách mời tại Đại hội:** Là các chức danh quản lý của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-

Bạc Liêu, khách mời, thành viên trong Ban tổ chức Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với Ban tổ chức Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

3. Khách mời, cổ đông tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau:

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân... theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Cổ đông đăng ký và tham gia Đại hội, và nhận hồ sơ tài liệu, tại bộ phận đón tiếp.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi cổ đông đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Người nhận ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa Đại hội.
- Trường hợp có cổ đông không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4. Chủ tọa Đại hội:

- Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số Thành viên HĐQT làm Chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp
- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:
 - ✓ Chủ trì Đại hội quyết định trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu.
 - ✓ Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - ✓ Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt thời gian Đại hội diễn ra.
 - ✓ Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu.

5. Ban Thư ký Đại hội:

- Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định.
- Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội:

- ✓ Thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tọa.
 - ✓ Tiếp nhận phiếu câu hỏi và/ hoặc ý kiến của cổ đông.
 - ✓ Ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung của Đại hội trong Biên bản họp Đại hội và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Chủ tọa và thư ký ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp

6. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

- Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội do Ban tổ chức Đại hội cử.
- Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:
 - ✓ Ban kiểm tra tư cách Đại biểu có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tư cách Đại biểu tham dự Đại hội.
 - ✓ Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Đại biểu trước Đại hội.
 - ✓ Trường hợp người đến dự Đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách Đại biểu tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách Đại biểu có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

7. Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu, cổ đông và/hoặc đơn vị tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa hoặc Ban Thư ký Đại hội.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - ✓ Kiểm tra nội dung, hình thức và số phiếu phát ra
 - ✓ Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết
 - ✓ Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện ủy quyền
 - ✓ Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu
 - ✓ Công bố kết quả kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

8. Phát biểu tại Đại hội:

- Cổ đông tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

9. Thể lệ biểu quyết tại Đại hội:

a. Các quy định chung về biểu quyết:

- ✓ Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- ✓ Mỗi cổ đông đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát trực tiếp: **một (01) Thẻ biểu quyết** và **một (01) Phiếu biểu quyết** có ghi mã số đại biểu số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện có đóng dấu treo Công ty dùng để biểu quyết



các nội dung theo chương trình Đại hội

b. Thẻ thức biểu quyết, trình tự xin ý kiến biểu quyết:

Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự:

- ✓ Tán thành với nội dung vừa được trình;
- ✓ Không tán thành với nội dung vừa được trình;
- ✓ Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

Tại Đại hội, cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

❖ **Phương thức giờ “Thẻ biểu quyết”:** Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (01) Thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông/người được ủy quyền giờ Thẻ biểu quyết lên cao hướng về phía Chủ tọa.

- ✓ Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền không giờ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
- ✓ Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền giờ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần hoặc hai trong số ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề, thì được xem như biểu quyết không tán thành vấn đề đó.
- ✓ Theo hình thức biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
- ✓ Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua Đoàn chủ tọa, Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có).

❖ **Phương thức điền vào “Phiếu biểu quyết”:** Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (01) Phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Cổ đông/người được ủy quyền đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung thuộc Báo cáo/Tờ trình tại Đại hội.

c. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

❖ Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- ✓ Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra.
- ✓ Không tẩy xóa, cạo sửa, thay đổi các nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban Tổ chức.
- ✓ Phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên của cổ đông/ người được ủy quyền tham dự.
- ✓ Đối với mỗi nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình): Thẻ có chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

❖ Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- ✓ Là các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ. Tuy nhiên, các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn

được tính vào kết quả biểu quyết.

d. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- ✓ Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ ghi nhận, kiểm tra số phiếu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến của từng nội dung thông qua tại Đại hội. Đồng thời chịu trách nhiệm thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

e. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết:

- ✓ Đối với quyết định các nội dung liên quan đến loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần bia Sài Gòn- Bạc Liêu; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu; tổ chức lại, giải thể Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu; gia hạn hoạt động Công ty được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/ người được ủy quyền dự họp tán thành.
- ✓ Đối với các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông/ người được ủy quyền đại diện cho trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Lưu ý:

- ✓ Đối với các hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 3, Điều 167 Luật Doanh nghiệp, cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

10. Biên bản và Nghị Quyết ĐHĐCĐ

- Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản của Đại hội.
- Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu lại tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu.

III. THỰC HIỆN:

- Tất cả các cổ đông, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu và các quy định pháp luật có liên quan, chấp hành các quyết định của Chủ tọa, Ban tổ chức Đại hội. Nếu vi phạm tùy theo mức độ Chủ tọa Đại hội sẽ áp dụng các biện pháp xử lý từ việc hạn chế không được phát biểu, trục xuất ra khỏi hội trường nơi diễn ra Đại hội, hoặc chuyển sang cơ quan pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Hồng Hạnh

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2024**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Hội đồng quản trị xin trân trọng báo cáo trước Đại hội về việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao trong năm 2023 của Hội đồng quản trị với một số nội dung chính như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

1. Cơ cấu nhân sự của HĐQT trong năm 2023:

Hội đồng Quản trị Công ty gồm có các thành viên:

- Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Nguyên Trung - Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Đồi - Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Hồng Minh - Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Xuân Hải - Thành viên HĐQT

2. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2023

a) Khó khăn:

– Sản lượng Sabeco giao chỉ bằng 30% công suất nhà máy, giá cả nguyên liệu, hoá chất phục vụ sản xuất tiếp tục tăng so với năm 2022: malt tăng 31%, nhân bia tăng 15%, nút khoén tăng 3,7%..., thời gian thực tế sản xuất có 2 tuần/tháng, năng suất lao động thấp, định mức KTKT và tiêu thụ năng lượng tăng cao.

– Chính sách tăng cường kiểm tra, xử phạt nặng người vi phạm nồng độ cồn khi tham gia giao thông ảnh hưởng lớn đến việc sử dụng bia của người dân.

– Các hãng Bia khác tiếp tục có nhiều chương trình khuyến mãi, hỗ trợ điểm bán, bán hàng linh hoạt nhanh chóng, tiện dụng nên ảnh hưởng rất lớn đến thị trường tiêu thụ Bia Sài Gòn tại các tỉnh Sông Hậu. Trên thị trường xuất hiện nhiều sản phẩm bia lon giá rẻ tương đương giá bán sản phẩm bia Lager chai; Nhu cầu tiêu thụ bia lon tăng nên sản lượng bia chai giảm.

Các khó khăn nêu trên ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, cổ tức cổ đông không cao.

b) Kết quả thực hiện kế hoạch 2023:

DVT: vnd

STT	Chỉ tiêu	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ (TH/NQ)
1	Doanh thu thuần	217,066,871,190	147,710,008,880	68.0%
2	Lợi nhuận trước thuế	12,202,202,923	6,649,602,156	54.5%
3	Lợi nhuận sau thuế	9,161,762,339	4,899,971,021	53.5%

- Sản lượng giao hàng của Công ty chỉ đạt 67% so với kế hoạch năm 2023 nên doanh thu thuần thực hiện là 147.7 tỷ đồng, bằng 68% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 4.89 tỷ đồng, bằng 53.5% so với kế hoạch của Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023. Các nguyên nhân chính gồm:

- ✓ Sản lượng giảm sâu làm lợi nhuận giảm 8 tỷ
- ✓ Các chi phí cố định như khấu hao, tiền lương, thuê lao động,... mặc dù thực hiện tiết giảm thấp hơn kế hoạch, nhưng do sản lượng giảm nhiều nên chi phí / lít bia tăng.

c) Để có kết quả kinh doanh như trên, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt kịp thời các giải pháp sau:

- HĐQT chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục tổ chức sản xuất tinh gọn hiệu quả, đẩy mạnh tiết kiệm, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật để giảm định mức KTKT trong điều kiện sản xuất không ổn định và sản lượng thấp.

- Công ty lập kế hoạch sản xuất đồng bộ, phù hợp với tình hình tiêu thụ để tiết kiệm năng lượng và giảm hao phí. Kiểm soát chặt chẽ quy trình công nghệ đảm bảo sản xuất giao hàng các lô bia đều ổn định và đạt chất lượng theo qui định của Sabeco. Công ty được Sabeco đánh giá đạt loại khá trong các đơn vị sản xuất bia Sài Gòn.

- Công ty đã áp dụng các giải pháp kỹ thuật tiết kiệm hợp lý hóa trong sản xuất nên giảm được định mức thực hiện: malt giảm 1.4 kg/1,000 lít bia, gạo giảm 0.3 kg/1,000 lít bia, hơi nước giảm 3.7 kg/1,000 lít bia, nước giảm 0.97 m³/1,000 lít bia. Các giải pháp đã mang lại hiệu quả cho Công ty trên 650 triệu đồng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát bảo trì bảo dưỡng thiết bị, nâng cao năng lực đội ngũ bảo trì để chủ động tự thực hiện (không thuê ngoài), chỉ thay thế phụ tùng theo tình trạng hoạt động thực tế của thiết bị, đảm bảo máy móc hoạt động ổn định, chi phí sử dụng phụ tùng là 2.1 tỷ đồng, bằng 59% so với kế hoạch.

- Sắp xếp công tác cán bộ và định biên nhân sự phù hợp với tình hình sản xuất sản lượng thấp, tổng số lao động của Công ty đến 31/12/2023 là 97 người (giảm 11 lao động so với cuối năm 2022).

- Phối hợp chặt chẽ thường xuyên với Sabeco, Công ty TM khu vực để được hỗ trợ công tác sản xuất giao hàng kịp thời mỗi tuần, tháng, quý. Chủ động cùng Công ty thương mại khu vực để thực hiện các chương trình hỗ trợ bán hàng cho nhà phân phối C1 trong tháng 11 và 12/2023 số tiền 1.5 tỷ đồng để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm bia chai Sài Gòn Lager 355 nhà máy đang sản xuất, nhằm đạt sản lượng không bị lỗ.

- Công ty đã cân đối nhu cầu chai kết theo kế hoạch sản xuất giao hàng thực tế và chủ động thanh lý các vật tư không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn. Cụ thể: thanh lý 24,464 kết nhựa rỗng đổ thừa tương ứng doanh thu 535.15 triệu đồng và thanh lý 989,568 chai Special theo hướng dẫn của SABECO, tương ứng doanh thu 208.34 triệu đồng.

- Về công tác đầu tư: do tình hình sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn nên Công ty chỉ thực hiện đầu tư sửa chữa các hạng mục thật sự cần thiết. Triển khai làm sân chứa bao bì phân diện tích 18,793.65 m² đất của Nhà máy bia Sài Gòn Bạc Liêu được UBND tỉnh Bạc Liêu gia hạn thời gian đưa vào sử dụng trước 13/01/2024 với kinh phí 2,975,570,308 đồng.

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

3.1 Cuộc họp và nghị quyết HĐQT:

Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ công ty và qui định của luật doanh nghiệp hiện hành. Các biên bản và nghị quyết của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên HĐQT và được lưu giữ theo quy định.

Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban điều hành triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông qua báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT.

Các nghị Quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2023 (đính kèm Phụ lục 01)

Hội đồng quản trị duy trì các phiên họp định kỳ hàng quý. Năm 2023, HĐQT đã họp 05 lần, lấy ý kiến bằng văn bản 12 lần, ban hành các Nghị quyết/Quyết định kịp thời đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2 Thực hiện trách nhiệm với cổ đông

Công tác công bố thông tin được chú trọng và thực hiện đầy đủ, minh bạch, theo đúng quy định của pháp luật.

3.3 Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc:

Năm 2023 HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đã thảo luận và thông qua các nghị quyết về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

HĐQT đã làm việc trực tiếp và thường xuyên, kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Ban Giám đốc trong công tác triển khai các nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh năm 2023.

Ban Giám đốc báo cáo thường xuyên kết quả thực hiện theo từng kỳ và đề ra giải pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo tất cả các hoạt động trong công ty tuân thủ đúng pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT.

Đánh giá của HĐQT đối với Ban Giám Đốc và cán bộ quản lý công ty:

- Thực hiện tốt các chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
- Ban điều hành đã có sự chủ động tích cực phối hợp chặt chẽ với Sabeco, công ty TM khu vực và bám sát thị trường, đề xuất giải pháp hỗ trợ nhà phân phối để đảm bảo sản lượng giao hàng tốt nhất. Trong công tác quản trị sản xuất, chất lượng sản phẩm, định mức kinh tế kỹ thuật, tiết kiệm chi phí, quản lý tốt tài chính góp phần mang lại lợi nhuận cho Công ty và cổ đông trong năm 2023.
- Mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh hết sức khó khăn nhưng HĐQT, BĐH, NLD đã cố gắng rất lớn để công ty không lỗ, có lợi nhuận để chia cổ tức cho cổ đông.

4. Lương, thù lao HĐQT:

Trong năm 2023, HĐQT nhận thù lao theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt.

4.1. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Nội dung chi tiết được nêu trong Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán đính kèm tài liệu Đại hội.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Đánh giá chung:

- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024 tiếp tục khó khăn, mặc dù kế hoạch sản lượng được Sabeco giao tăng 3.6 triệu lít bia so năm 2023 nhưng do giá nguyên vật liệu tăng malt 16%, gạo trên 35% so với cùng kỳ, một số định phí tăng như tiền thuê đất tăng gấp 3 lần, phí hạ tầng tăng từ 2,800 đồng/m² lên 4,800 đồng/m², khấu hao tăng do đầu tư sân bãi ...làm tăng chi phí sản xuất lên 2.4 tỷ đồng; Giá mua sản phẩm của Tổng công ty giảm 1,050 đồng/két làm giảm doanh thu nên lợi nhuận giảm 3.4 tỷ đồng so năm 2023.

- Kế hoạch sản xuất giao hàng năm 2024 chỉ khoảng 36% công suất thiết bị nên ảnh hưởng lớn đến năng suất lao động, máy móc thiết bị, năng lượng, hiệu quả kinh doanh ..., đời sống, việc làm, tư tưởng của người lao động không an tâm, ngân sách địa phương giảm mạnh.

- Tổng thời gian sản xuất và bảo trì vệ sinh thiết bị khoảng 18-20 ngày/tháng, còn lại nghỉ sản xuất 10 ngày/tháng. Công ty tiếp tục phải làm lao động dôi dư, áp dụng trả lương chờ việc khi nghỉ sản xuất.

- Đứng trước tình hình khó khăn trên, HĐQT và BGD phổ biến, động viên đến người lao động để nhận thức quán triệt, đoàn kết đồng lòng để vượt qua khó khăn, đề xuất các giải pháp hành động, phát huy sáng kiến nhằm đem lại hiệu quả cho công ty và cổ đông.

2. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2024:

ĐVT: vnd

Tt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	KH24/TH23
1	Doanh thu thuần	147,710,008,880	166,378,512,176	112.6%
2	Lợi nhuận trước thuế	6,649,602,156	601,686,707	9.0%
3	Lợi nhuận sau thuế	4,899,971,021	121,349,365	2.5%

3. Về đầu tư:

Năm 2024, Công ty dự kiến tổng chi phí đầu tư, sửa chữa thiết bị nhà xưởng khoảng 01 tỷ đồng. Với các hạng mục như sau:

Stt	Hạng mục đầu tư, sửa chữa	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa máy móc thiết bị	524,872,000	
2	Sửa chữa nhà xưởng, đường giao thông nội bộ	491,020,000	
	Tổng cộng	1,015,892,000	

4. Giải pháp thực hiện:

- Về công tác giao hàng: Tập trung phối hợp chặt chẽ với Sabeco, Công ty TM Bia Sài Gòn Sông Hậu, Sông Tiền, các chi nhánh, đơn vị vận tải để tìm ra những giải pháp giao hàng hiệu quả là nhiệm vụ quan trọng phải được triển khai ngay từ đầu năm để giao hết kế hoạch giao hàng được phân bổ.

- Sắp xếp điều chỉnh lại mô hình tổ chức công ty tinh gọn hiệu quả, giảm vị trí chức danh cấp phó, khẩn trương làm lao động dôi dư, đào tạo người lao động và cán bộ quản lý đảm nhiệm được nhiều vị trí công việc khác nhau. Bố trí lao động phù hợp, áp dụng các hình thức trả lương phù hợp như: trả lương chờ việc những ngày không sản xuất, trả

chi phí lao động dôi dư, cắt giảm chi phí tiền lương tháng 13 do sản lượng sản xuất giảm 50% .

- Tiếp tục rà soát siết chặt chi phí, đẩy mạnh tiết kiệm, áp dụng các giải pháp sáng kiến cải tiến kỹ thuật để giảm định mức KTKT, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị để tăng hiệu quả SXKD,...

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm đảm bảo đúng quy định Sabeco.

- Sử dụng nguyên liệu barley thay 10% malt theo định hướng của Sabeco từ tháng 4/2024, để giảm chi phí sản xuất.

- Về công tác sửa chữa, bảo trì thiết bị máy móc:

✓ Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, thay thế phụ tùng theo tình trạng thiết bị, đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động ổn định.

✓ Mua sắm phụ tùng tiết kiệm, đa dạng nguồn cung cấp, kết nối các Nhà máy bia trong hệ thống để trao đổi dự phòng phụ tùng, giảm giá trị phụ tùng tồn kho.

✓ Đào tạo, nâng cao tay nghề cho nhân viên bảo trì, nhà máy chủ động nguồn nhân lực trong công tác bảo trì tại chỗ, hạn chế thuê ngoài.

- Khẩn trương phối hợp với nhà thầu SP Group đưa dự án điện mặt trời vào sử dụng trong quý 2.

- HĐQT, BKS tiết giảm 34% thù lao so cùng kỳ.

- HĐQT, BDH cùng toàn thể cán bộ CNV thực hành tiết kiệm, đề ra nhiều giải pháp cùng tháo gỡ khó khăn.

5. Kiến nghị :

Với kế hoạch gia công năm 2024 Sabeco giao 25 triệu lít bia chai lager / công suất thiết bị 70 triệu lít, nhà máy gặp rất nhiều khó khăn: Giá nguyên vật liệu tăng cao, giá mua sản bị giảm 1,050 đồng/két, kết quả kinh doanh bia dự kiến lỗ 2.864 tỷ đồng, lao động mất việc làm (tiếp tục làm dôi dư), ngân sách địa phương giảm mạnh.

Vì vậy Công ty đề nghị :

- Sabeco điều chỉnh tăng giá mua sản phẩm bia chai Sài Gòn để giảm lỗ và có lợi nhuận để duy trì hoạt động công ty, bảo đảm thu nhập cho người lao động, tăng ngân sách cho địa phương, giữ thị trường vàng cho Sabeco và chia cổ tức cho cổ đông.
- Sabeco giao thêm sản lượng để chia sẻ chi phí khấu hao do nhà máy mới đầu tư dây chuyền chiết chai được 05 năm và chi phí nhân công (mặc dù công ty đã giảm lao động 12 người và dự định giảm tiếp năm 2024).
- Sabeco xem xét tiếp tục cho Công ty phối hợp Công ty Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu, Sông Tiền triển khai các chương trình về hỗ trợ bán hàng để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm bia Lager chai 355. Quảng bá thương hiệu, giữ và phát triển thị phần cho Sabeco.
- Nếu tình hình giá mua nguyên vật liệu (malt, gạo) tốt lên thì Sabeco điều chỉnh giảm giá đầu vào để giảm lỗ cho Công ty.

III. KẾT LUẬN

Hội đồng quản trị công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu chân thành cảm ơn sự ủng hộ giúp đỡ của các Quý cổ đông, các đối tác, các cơ quan quản lý địa phương, ngân hàng,...

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động trong năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024. Chúng tôi mong muốn Quý cổ đông sẽ đóng góp nhiều ý kiến thiết thực giúp hoạt động quản trị Công ty ngày càng tốt hơn vì sự phát triển lớn mạnh và bền vững.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu Thư ký HĐQT;



Phạm Thị Hồng Hạnh

PHỤ LỤC 01

(đính kèm báo cáo của Chủ tịch HĐQT ngày 19/04/2024)

Danh sách các Nghị Quyết / Quyết Định của Hội đồng quản trị năm 2023:

STT	Số Nghị Quyết/ Quyết Định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ-HĐQT	20/01/23	Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
2	02/2023/NQ-HĐQT	15/03/23	Bổ nhiệm chức danh Giám Đốc Công ty	100%
3	03/2023/QĐ-HĐQT	15/03/23	Bổ nhiệm chức danh Giám Đốc Công ty	100%
4	04/2023/NQ-HĐQT	30/03/23	Chốt danh sách cổ đông chi cổ tức năm 2022	100%
5	05/2023/QĐ-HĐQT	05/04/23	Phê duyệt Kế hoạch Tài chính năm 2023	100%
6	06/2023/NQ-HĐQT	15/06/23	Chốt danh sách cổ đông chi cổ tức năm 2022	100%
7	07/2023/NQ-HĐQT	21/06/23	Chốt danh sách cổ đông chi cổ tức năm 2022 (thay thế NQ số 07/2023/NQ-HĐQT)	100%
8	08/2023/NQ-HĐQT	12/07/23	Phê duyệt lựa chọn đơn vị hợp tác lắp đặt điện năng lượng mặt trời	100%
9	09/2023/QĐ-HĐQT	27/07/23	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023	100%
10	10/2023/QĐ-HĐQT	06/11/23	Phê duyệt phương án sử dụng 18.793,65m ² đất	100%
11	11/2023/QĐ-HĐQT	29/11/23	Thông qua chủ trương thực hiện chương trình khuyến mãi cùng với Sabeco	100%
12	12/2023/QĐ-HĐQT	20/12/23	Thông qua chủ trương thực hiện chương trình khuyến mãi cùng với Sabeco (đợt 2)	100%
13	13/2023/QĐ-HĐQT	21/12/23	Quyết toán quỹ lương năm 2023	100%



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU**

Số: 01/BC- BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 về quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát;

Căn cứ Điều lệ và các quy định của Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Bạc Liêu;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty;

Căn cứ kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Điều hành (BDH) và hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) trong năm 2023,

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 cụ thể như sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu.

Trong năm thù lao, thưởng của BKS thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt cụ thể như sau:

- Thù lao Trưởng ban kiểm soát: 15 triệu đồng/tháng và thành viên: 6 triệu đồng/tháng.

2. Các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023

2.1. Tổng kết số lượng các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2023.

- Trong năm 2023 Ban Kiểm soát họp 4 lần.
- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát hoạt động điều hành của Công ty. Các thành viên thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty.
- Ban kiểm soát đã xem xét tính pháp lý, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và BDH Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Thẩm tra báo cáo tài chính của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính cũng như việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.
- Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán độc lập tham gia kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2023.



2.2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Tổng doanh thu năm 2023 chỉ đạt 68,2% so với kế hoạch. Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 9,16 tỷ đồng, thực hiện 4,90 tỷ đồng, đạt 53,49% so với kế hoạch.
- HĐQT đã họp định kỳ hàng quý để có chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban Giám đốc trong công tác triển khai các nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh năm 2023.
- Ban Điều hành chú trọng công tác quản trị sản xuất, mặc dù sản lượng sản xuất chỉ đạt 66% so với kế hoạch nhưng các định mức ổn định, chất lượng sản phẩm đạt theo tiêu chuẩn của Tổng Công ty. Ban Điều hành thực hiện quyết liệt các giải pháp để giảm định mức trong sản xuất theo chủ trương của HĐQT.
- Ban điều hành đã linh hoạt trong việc trả nợ vay trung dài hạn và ngắn hạn, nắm bắt và thực hiện kịp thời chính sách gia hạn nộp thuế để giảm chi phí lãi vay, rà soát thanh lý vật tư, bao bì không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn.
- Trong điều kiện khó khăn, Ban điều hành chỉ đầu tư các hạng mục cần thiết ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và các quy định của Cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Ban Giám đốc đã chủ động xin chủ trương của HĐQT về kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ bán hàng, xin chủ trương của Tổng Công ty để Công ty phối hợp cùng với Công ty CP Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu làm công tác thị trường. Kết quả đã đạt sản lượng của chương trình hỗ trợ bán hàng trong tháng 11 và 12 trước tình hình sản lượng giao hàng thấp.

2.3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban điều hành của Công ty

- Trong năm HĐQT đã tổ chức họp để triển khai, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ tập trung vào các mục tiêu tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ Điều lệ Công ty.
- Các Nghị quyết của HĐQT có nội dung phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.
- Ban điều hành Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ, tuân thủ đúng các Nghị quyết của HĐQT, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định trong Điều lệ của Công ty.

2.4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông

- Ban kiểm soát nhận thấy HĐQT và Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông giao. Trong năm BKS đã cùng tham gia các cuộc họp HĐQT và Ban điều hành hàng tháng để thực hiện việc giám sát và có ý kiến trực tiếp về các vấn đề thuộc quyền hạn của BKS.

2.5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành

viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Các giao dịch giữa công ty với các đối tượng nêu trên được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua và công bố tại báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023.

Trân trọng.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Nguyễn Tấn Phiên





CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU

Số: 01 /2024/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ Điểm f, Khoản 1, Điều 15, Điều lệ Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình ĐHCĐ biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU**

Số: 01/2024/TTr-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/V: Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ và các quy định của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024 và các giai đoạn có liên quan khác của Công ty như Công ty kiểm toán độc lập của Tổng công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn, từ danh sách các công ty dưới đây:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
- Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam (PwC)
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E & Y)
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Tấn Phiên

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

Số: 02 /2024/TTr-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận năm 2023, cụ thể như sau:

Tt	Diễn giải	Kế hoạch 2023		Thực hiện 2023	
		Tỷ lệ	Số tiền (Triệu đồng)	Tỷ lệ	Số tiền (Triệu đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ		35.155,2		35.155,2
2	Lợi nhuận sau thuế		9.161,8		4.900,0
3	Phân phối lợi nhuận		6.922,2		3.603,6
3.1	Chia cổ tức bằng tiền (%/Vốn điều lệ)	5%	6.006,0	3%	3.603,6
3.2	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS (%/Lợi nhuận sau thuế)	5%	458,1	0%	0,0
3.3	Trích quỹ an sinh xã hội (%/Lợi nhuận sau thuế)	5%	458,1	0%	0,0
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ		37.394,8		36.451,6

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BIA
SÀI GÒN - BẠC LIÊU
TP. BẠC LIÊU

Phạm Thị Hồng Hạnh

Số: 03 /2024/TTr-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: **Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 cụ thể như sau:

Tt	Diễn giải	Thực hiện 2023		Kế hoạch 2024	
		Tỷ lệ	Số tiền (Triệu đồng)	Tỷ lệ	Số tiền (Triệu đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ		35.155,2		36.451,6
2	Lợi nhuận sau thuế		4.900,0		121,3
3	Phân phối lợi nhuận		3.603,6		
3.1	Chia cổ tức bằng tiền (%/Vốn điều lệ)	3%	3.603,6	0%	0,0
3.2	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS (%/Lợi nhuận sau thuế)	0%	0,0		(*)
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ		36.451,6		36.572,9

(*) Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS năm 2024 tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, nếu năm 2024 kết quả kinh doanh tốt Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp sau.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.



Phạm Thị Hồng Hạnh

TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán thù lao năm 2023
của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/03/2023 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua việc quyết toán thù lao năm 2023 đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu như sau:

1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị:

Tt	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023
1	Số lượng các thành viên HĐQT kiêm nhiệm	Người	5	5
2	Quỹ thù lao	đồng	1.020.000.000	1.020.000.000

2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát:

Tt	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023
I	Thành viên chuyên trách			
1	Số lượng các thành viên	Người	1	1
2	Quỹ thù lao	đồng	180.000.000	180.000.000
II	Thành viên kiêm nhiệm			
1	Số lượng các thành viên	Người	2	2
2	Quỹ thù lao	đồng	144.000.000	144.000.000
III	Tổng tiền	đồng	324.000.000	324.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.



Số: 05/2024/TTr-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch thù lao năm 2024
của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua chi phí thù lao năm 2024 đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu như sau:

1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị:

Tt	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024
1	Số lượng các thành viên HĐQT kiêm nhiệm	Người	5	5
2	Quỹ thù lao	đồng	1.020.000.000	696.000.000

2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát:

Tt	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024
I	Thành viên chuyên trách			
1	Số lượng các thành viên	Người	1	1
2	Quỹ thù lao	đồng	180.000.000	96.000.000
II	Thành viên kiêm nhiệm			
1	Số lượng các thành viên	Người	2	2
2	Quỹ thù lao	đồng	144.000.000	96.000.000
III	Tổng tiền	đồng	324.000.000	192.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT;



TỜ TRÌNH

V/v: Ký hợp đồng với người có liên quan thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

Theo Điểm q, Khoản 2, Điều 15 Điều lệ Công ty quy định: “Đại hội đồng cổ đông quyết định việc Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất”.

Để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật và điều lệ, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Công ty ký kết các hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất giữa Công ty với người có liên quan của Công ty như sau:

- Hợp đồng hợp tác sản xuất và mua bán hàng hóa giữa Công ty với Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Mã số DN: 0300583659) và Công ty TNHH MTV TM Bia Sài Gòn (Mã số DN: 0303140574).
- Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu và kiểm soát sản xuất giữa Công ty với Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Mã số DN: 0300583659).

Theo kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, giao người đại diện theo pháp luật Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để ký kết các hợp đồng giữa Công ty với người có liên quan nêu trên.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Thư ký HĐQT;



Phạm Thị Hồng Hạnh



CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU

Số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Bạc Liêu, ngày 19 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu ngày 19/04/2024;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 và định hướng năm 2024;

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023;

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ (TH/NQ)
1	Doanh thu thuần	217.066.871.190	147.710.008.880	68,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	12.202.202.923	6.649.602.156	54,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	9.161.762.339	4.899.971.021	53,5%

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	KH24/ TH23
1	Doanh thu thuần	147.710.008.880	166.378.512.176	112,6%
2	Lợi nhuận trước thuế	6.649.602.156	601.686.707	9,0%
3	Lợi nhuận sau thuế	4.899.971.021	121.349.365	2,5%

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023;

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;

Điều 4. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024 và các giai đoạn có liên quan khác của Công ty giống như Công ty kiểm toán độc lập của Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn.

Điều 5. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023;

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2023		Thực hiện 2023	
		Tỷ lệ	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ	Số tiền (triệu đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ		35.155,2		35.155,2
2	Lợi nhuận sau thuế		9.161,8		4.900,0
3	Phân phối lợi nhuận		6.922,2		3.848,6
3.1	Chia cổ tức bằng tiền (%/vốn điều lệ)	5%	6.006,0	3%	3.603,6
3.2	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	5%	458,1	0%	0,0
3.3	Trích quỹ an sinh xã hội	5%	458,1	0%	0,0
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ		37.394,8		36.451,6

Điều 6. Thông qua Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024;

STT	Diễn giải	Thực hiện 2023		Kế hoạch 2024	
		Tỷ lệ	Số tiền (Triệu đồng)	Tỷ lệ	Số tiền (Triệu đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ		35.155,2		36.451,6
2	Lợi nhuận sau thuế		4.900,0		121,3
3	Phân phối lợi nhuận		3.603,6		
3.1	Chia cổ tức bằng tiền (%/Vốn điều lệ)	3%	3.603,6	0%	0,0
3.2	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS (%/Lợi nhuận sau thuế)	0%	0,0		(*)
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ		36.451,6		36.572,9

(*) Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS năm 2024 tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, nếu năm 2024 kết quả kinh doanh tốt Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp sau.

Điều 7: Thông qua Tờ trình Quyết toán thù lao năm 2023 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện
			2023	2023
1	Số lượng các thành viên HĐQT kiêm nhiệm	Người	05	05
2	Quỹ thù lao	đồng	1.020.000.000	1.020.000.000

Đối với các thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện
			2023	2023
I	Thành viên chuyên trách			
1	Số lượng các thành viên	Người	01	01
2	Quỹ thù lao	đồng	180.000.000	180.000.000

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện
			2023	2023
II	Thành viên kiêm nhiệm			
1	Số lượng các thành viên	Người	02	02
2	Quỹ thù lao	đồng	144.000.000	144.000.000
III	Tổng tiền	đồng	324.000.000	324.000.000

Điều 8. Thông qua Tờ trình Kế hoạch thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện	Kế hoạch
			2023	2024
1	Số lượng các thành viên HĐQT kiêm nhiệm	Người	05	05
2	Quỹ thù lao	đồng	1.020.000.000	696.000.000

Đối với các thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện	Kế hoạch
			2023	2024
I	Thành viên chuyên trách			
1	Số lượng các thành viên	Người	01	01
2	Quỹ thù lao	đồng	180.000.000	96.000.000
II	Thành viên kiêm nhiệm			
1	Số lượng các thành viên	Người	02	02
2	Quỹ thù lao	đồng	144.000.000	96.000.000
III	Tổng tiền	đồng	324.000.000	192.000.000

Điều 9. Thông qua Tờ trình về việc ký hợp đồng với Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-NGK Sài Gòn năm 2024. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Giám đốc Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu ký kết các hợp đồng năm 2024 có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% giá trị tổng tài sản của Công ty, gồm:

- Hợp đồng hợp tác sản xuất và mua bán hàng hóa với Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (Mã số DN: 0300583659) và Công ty TNHH MTV TM Bia Sài Gòn (Mã số DN: 0303140574).
- Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu và kiểm soát sản xuất với Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (Mã số DN: 0300583659).

Điều 10. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu được Đại hội nhất trí thông qua.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tất cả cổ đông của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và toàn thể cán bộ, công nhân viên của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Cổ đông (Website);
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Sở GDCK HN;
- Lưu: Thư ký HĐQT;

Phạm Thị Hồng Hạnh



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.231.671.488	57.368.862.364
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.763.500.649	29.300.720.317
1. Tiền	111	V.1	313.500.649	400.720.317
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2	15.450.000.000	28.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.391.562.793	5.206.230.644
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	27.026.205.307	8.091.424.071
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		397.320.000	150.715.563
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	48.208.486	44.262.010
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(3.080.171.000)	(3.080.171.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		12.848.191.421	22.585.700.777
1. Hàng tồn kho	141	V.6	12.848.191.421	22.585.700.777
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		228.416.625	276.210.626
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	228.416.625	276.210.626
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		193.194.597.248	211.709.307.026
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
- Phải thu nội bộ khác	214C			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		188.852.299.811	209.340.094.696
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	188.850.008.175	209.316.246.527
- Nguyên giá	222		487.723.682.946	488.110.677.025
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(298.873.674.771)	(278.794.430.498)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.291.636	23.848.169
- Nguyên giá	228		211.446.165	211.446.165
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(209.154.529)	(187.597.996)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.968.845.308	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.968.845.308	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.373.452.129	2.369.212.330
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.373.452.129	2.369.212.330
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
+ Vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263A			
+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	263B			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		246.426.268.736	269.078.169.390

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		58.821.326.930	73.871.201.503
I. Nợ ngắn hạn	310		57.828.754.384	68.284.482.948
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.274.357.606	6.783.137.298
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.12	48.266.165.772	46.892.173.258
4. Phải trả người lao động	314		2.725.397.555	2.796.444.929
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.351.954.532	1.706.882.852
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			

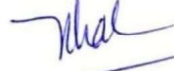
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Đầu năm
1	2	3	4	5
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	138.181.819	138.181.819
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	811.189.068	559.326.517
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a		9.043.226.794
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		261.508.032	365.109.481
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		992.572.546	5.586.718.555
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b		4.521.613.405
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.17	992.572.546	1.065.105.150
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		187.604.941.806	195.206.967.887
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18a	187.604.941.806	195.206.967.887
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18e	27.919.729.439	27.919.729.439
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.565.212.367	47.167.238.448
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.155.238.448	47.167.238.448
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.409.973.919	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		246.426.268.736	269.078.169.390

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Thị Chất

Lập ngày 11 tháng 01 năm 2024

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trịnh Công Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU

Địa chỉ: Lô B5, Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Mã Số Thuế: 1900333973

Mẫu số B02b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	50.350.647.611	50.898.454.481	147.710.008.880	170.485.965.728
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
- Chiết khấu thương mại	04					
- Hàng bán bị trả lại	05					
- Giảm giá hàng bán	06					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		50.350.647.611	50.898.454.481	147.710.008.880	170.485.965.728
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	43.944.702.953	43.290.085.234	127.864.169.217	146.020.202.409
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.405.944.658	7.608.369.247	19.845.839.663	24.465.763.319
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	100.076.549	133.056.903	379.777.436	248.973.031
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	71.549.119	404.035.844	979.813.645	1.964.896.153
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.549.119	404.035.844	979.813.645	1.964.896.153
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5b	2.213.457.324	1.834.578.306	2.748.646.292	2.416.994.740
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5a	2.473.138.071	3.953.936.927	9.883.918.642	11.645.838.435
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		1.747.876.693	1.548.875.073	6.613.238.520	8.687.007.022
11. Thu nhập khác	31	VI.6	36.363.636	31.508.458	36.363.636	116.056.105
+ Tổng thu nhập khác	31A		36.363.636	31.508.458	36.363.636	116.056.105
12. Chi phí khác	32	VI.7		41.546.829		56.807.672
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		36.363.636	(10.038.371)	36.363.636	59.248.433
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.784.240.329	1.538.836.702	6.649.602.156	8.746.255.455
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	604.402.317	480.033.406	1.822.163.739	1.611.411.119
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(66.270.556)	53.640.465	(72.532.604)	148.314.006
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.246.108.568	1.005.162.831	4.899.971.021	6.986.530.330
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Thị Chất



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4 năm 2023

ĐVT: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.649.602.156	8.746.255.455
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		20.861.644.885	21.041.700.372
- Các khoản dự phòng	03		-	(305.860.237)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(416.141.072)	(249.015.161)
- Chi phí lãi vay	06		979.813.645	1.964.896.153
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.074.919.614	31.197.976.582
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.185.332.149)	(3.301.207.501)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.737.509.356	(5.660.352.907)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.841.750.361)	892.469.255
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.043.554.202	2.249.813.297
- Tiền lãi vay đã trả	14		(996.314.437)	(1.985.197.837)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.586.951.690)	(24.459.429)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		900.000	900.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(349.500.000)	(5.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.897.034.535	23.364.941.460
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.280.419.076)	(38.260.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		36.363.636	42.130
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.100.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.100.000.000	-

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		379.777.436	248.973.031
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(2.864.278.004)	210.755.161
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	203.497.890.763	193.475.309.211
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(217.062.730.962)	(220.915.519.593)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.005.136.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(25.569.976.199)	(27.440.210.382)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20 + 30 + 40)	50		(13.537.219.668)	(3.864.513.761)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.300.720.317	33.165.234.078
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		15.763.500.649	29.300.720.317

Người lập



Trần Thị Thảo

Kế toán trưởng



Trần Thị Chát

Bạc Liêu, ngày 11 tháng 01 năm 2024

Giám đốc



Trịnh Công Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1-Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6003000028 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi bổ sung.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

2-Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3-Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát ; Sản xuất kinh doanh cồn – rượu; Kinh doanh kho bãi, vận tải hàng hóa liên tỉnh; Mua bán rác thải phế liệu, thủy tinh, cao su phế thải, rác thải, đồng nát; Kinh doanh nông sản sơ chế, lương thực - thực phẩm và dịch vụ ăn uống đặc sản.

4- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1-Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2-Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III-CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1-Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2-Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV-CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại CP Công Thương Việt Nam chi nhánh 4 - TP Hồ Chí Minh tại thời điểm lập Báo cáo tài chính; Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2-Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3- Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4- Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

5-Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6-Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5 – 50 năm
- Máy móc thiết bị: 03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải: 10 năm
- Dụng cụ quản lý: 03 – 08 năm
- Phần mềm máy tính: 08 năm

7-Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

9-Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt tội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10-Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11-Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

12-Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

13-Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14-Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

15- Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

16-Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17-Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

18-Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

V-THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VN đồng)

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
1. Tiền		
-Tiền mặt	93.058.197	188.594.381
-Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	220.442.452	212.125.936
Cộng	<u>313.500.649</u>	<u>400.720.317</u>

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
2. Các khoản tương đương tiền		
- Các khoản tương đương tiền (*)	15.450.000.000	28.900.000.000

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
3. Các khoản phải thu của khách hàng		
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
- Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	23.311.388.430	4.654.620.630
- CN Ngân hàng Phát Triển KV Minh Hải-PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	3.080.171.000
- Phải thu khách hàng khác	634.645.877	356.632.441
Cộng	<u>27.026.205.307</u>	<u>8.091.424.071</u>

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
4. Phải thu khác		
Phải thu ngắn hạn khác	48.208.486	44.262.010

5. Dự phòng phải thu khó đòi

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CN Ngân hàng phát triển KV Minh Hải - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	(3.080.171.000)	3.080.171.000	(3.080.171.000)

	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
6. Hàng tồn kho				
- Nguyên liệu, vật liệu	3.831.917.393		11.214.655.599	
- Công cụ, dụng cụ	2.937.199.373		4.068.000.400	
- Chi phí SXKD dở dang	5.553.220.015		5.714.267.998	
- Thành phẩm	525.854.640		1.448.714.412	
- Hàng hóa			140.062.368	
Cộng	<u>12.848.191.421</u>	-	<u>22.585.700.777</u>	-

* Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ: không có

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
7. Chi phí trả trước		
Ngắn hạn	<u>228.416.625</u>	<u>276.210.626</u>
Palet gỗ		24.750.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	228.416.625	251.460.626
Dài hạn	<u>1.373.452.129</u>	<u>2.369.212.330</u>
Công cụ, dụng cụ	15.732.886	66.758.955
Phụ tùng thay thế	119.122.546	512.719.306
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.232.263.371	1.678.892.439
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.333.326	110.841.630
Cộng	<u>1.601.868.754</u>	<u>2.645.422.956</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	109.489.293.797	371.069.889.947	5.998.968.590	1.552.524.691	488.110.677.025
-Mua trong kỳ		373.850.000			373.850.000
-Thanh lý, nhượng bán		760.844.079			760.844.079
Số dư cuối kỳ	109.489.293.797	370.682.895.868	5.998.968.590	1.552.524.691	487.723.682.946
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	43.853.626.670	228.440.723.987	5.100.105.975	1.399.973.866	278.794.430.498
-Khấu hao trong kỳ	4.390.262.178	16.187.912.018	209.694.176	52.219.980	20.840.088.352
-Thanh lý, nhượng bán		760.844.079			760.844.079
Số dư cuối kỳ	48.243.888.848	243.867.791.926	5.309.800.151	1.452.193.846	298.873.674.771
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
-Tại ngày đầu năm	65.635.667.127	142.629.165.960	898.862.615	152.550.825	209.316.246.527
-Tại ngày cuối kỳ	61.245.404.949	126.815.103.942	689.168.439	100.330.845	188.850.008.175

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu năm	211.446.165	211.446.165
- Mua trong kỳ		-
Số dư cuối kỳ	211.446.165	211.446.165
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	187.597.996	187.597.996
- Khấu hao trong kỳ	21.556.533	21.556.533
Số dư cuối kỳ	209.154.529	209.154.529
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
- Tại ngày đầu năm	23.848.169	23.848.169
- Tại ngày cuối kỳ	2.291.636	2.291.636

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Sân đá chứa bao bì 14.793,65 m2	2.968.845.308	

11. Phải trả người bán	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	1.592.388.000	1.592.388.000	1.693.498.004	1.693.498.004
Công ty TNHH MTV dịch vụ bảo vệ vệ sĩ Long Hải Bạc Liêu	466.183.937	466.183.937	417.912.034	417.912.034
Công ty TNHH công nghệ nổi hơi Phú Hưng	744.812.217	744.812.217		
Các đối tượng khác	1.470.973.452	1.470.973.452	4.671.727.260	4.671.727.260
Cộng	4.274.357.606	4.274.357.606	6.783.137.298	6.783.137.298

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**Phải nộp**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	5.809.047.788	20.792.999.163	20.503.076.364	6.098.970.587
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	39.432.655.340	134.384.455.401	133.561.983.113	40.255.127.628
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.586.951.690	1.822.163.739	1.586.951.690	1.822.163.739
- Thuế thu nhập cá nhân	50.144.120	869.559.270	843.677.412	76.025.978
- Thuế tài nguyên	13.374.320	94.326.000	93.822.480	13.877.840
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	46.892.173.258	157.966.503.573	156.592.511.059	48.266.165.772

13. Chi phí phải trả**Ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu Năm
Chi phí phải trả khác	1.351.954.532	1.706.882.852

14. Doanh thu chưa thực hiện**Ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Doanh thu nhận trước	138.181.819	138.181.819

15. Phải trả khác**Ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	210.000.000	210.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.864.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	594.325.068	349.326.517
Cộng	811.189.068	559.326.517

16. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	203.497.890.763	203.497.890.763	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	4.521.613.405	13.564.840.199	9.043.226.794	9.043.226.794
Cộng	-	-	208.019.504.168	217.062.730.962	9.043.226.794	9.043.226.794

b. Vay dài hạn

	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	-	-	-	4.521.613.405	4.521.613.405	4.521.613.405

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	992.572.546	1.065.105.150

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	Cộng
	A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	120.120.000.000	-	-	-	68.799.090.591	188.919.090.591
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	6.986.530.330	6.986.530.330
Trích quỹ năm 2022					(698.653.034)	(698.653.034)
Số dư đầu năm nay	120.120.000.000	-	-	-	75.086.967.887	195.206.967.887
Lãi trong kỳ này (luỹ kế 2023)	-	-	-	-	4.899.971.021	4.899.971.021
Tạm trích quỹ năm 2023					(489.997.102)	(489.997.102)
Cổ tức năm 2022					(12.012.000.000)	(12.012.000.000)
Số dư cuối năm nay	120.120.000.000	-	-	-	67.484.941.806	187.604.941.806

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây	24.024.000.000	20%	24.024.000.000	20%
Vốn góp của các đối tượng khác	96.096.000.000	80%	96.096.000.000	80%
Tổng cộng	120.120.000.000	100%	120.120.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.120.000.000	120.120.000.000
+ Vốn góp đầu năm	120.120.000.000	120.120.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ tức năm 2022	12.012.000.000	-

d. Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.012.000	12.012.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	12.012.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.012.000	12.012.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	12.012.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	27.919.729.439	27.919.729.439

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Doanh thu bán thành phẩm	48.248.798.754	49.091.210.040
Doanh thu khác	1.691.696.460	1.399.314.402
Doanh thu cung cấp dịch vụ	410.152.397	407.930.039
Cộng	50.350.647.611	50.898.454.481

* Doanh thu bán hàng không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt.

b. Doanh thu đối với các bên có liên quan		
- Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	48.248.798.754	49.091.210.040
2 Giá vốn hàng bán		
	Quý 4/2023	Quý 4/2022
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	43.794.517.881	43.158.815.935
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	150.185.072	131.269.299
Cộng	43.944.702.953	43.290.085.234
3 Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý 4/2023	Quý 4/2022
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	100.076.549	133.056.903
4 Chi phí tài chính		
	Quý 4/2023	Quý 4/2022
- Lãi tiền vay	71.549.119	404.035.844
5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý		
	Quý 4/2023	Quý 4/2022
a. Chi phí quản lý		
Chi phí công cụ, dụng cụ	21.826.748	17.126.448
Chi phí nhân công	1.491.350.603	1.373.759.630
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.531.921	9.866.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	253.584.402	1.405.454.541
Chi phí bằng tiền	697.844.397	1.147.729.702
Cộng	2.473.138.071	3.953.936.927
b. Chi phí bán hàng		
Chi phí bằng tiền	2.213.457.324	1.834.578.306
6 Thu nhập khác		
	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	36.363.636	31.508.458
7 Chi phí khác		
	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Các khoản khác		41.546.829
8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chỉ tiêu	Quý 4/2023	Quý 4/2022
- Chi phí nguyên vật liệu	26.535.780.564	27.721.096.064
- Chi phí nhân công	5.394.367.917	4.946.640.990
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.191.601.285	5.236.905.984
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.067.519.564	3.032.951.767
- Chi phí bằng tiền	5.119.305.263	4.706.497.119
Cộng	44.308.574.593	45.644.091.924

9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.784.240.329	1.538.836.702
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	1.237.771.255	861.330.326
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.237.771.255	1.129.532.640
- Các khoản điều chỉnh giảm		(268.202.314)
Tổng lợi nhuận tính thuế	3.022.011.584	2.400.167.028
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	604.402.317	480.033.406

10 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Chi phí thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(66.270.556)	53.640.465

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ.	Luỹ kế 2023	Luỹ kế 2022
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường.	203.497.890.763	193.475.309.211
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ.	Luỹ kế 2023	Luỹ kế 2022
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.	217.062.730.962	220.915.519.593

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về các bên liên quan.

Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	Bán hàng	48.248.798.754
	Mua hàng	15.730.639.784
Chi Nhánh Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya - Việt Nam	Bán hàng	208.344.000
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bán hàng	398.725.280
	Mua hàng	185.511.347
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Mua hàng	1.609.763.333

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên có liên quan như sau:

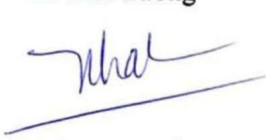
Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	Phải thu	23.311.388.430
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Phải thu	409.634.357
	Phải trả	219.877.209
Chi Nhánh Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya - Việt Nam	Phải thu	225.011.520
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Phải trả	1.592.388.000

Người lập biểu



Trần Thị Thảo

Kế toán trưởng



Trần Thị Chất



Ngày 11 tháng 01 năm 2024

Giám đốc



Trịnh Công Vinh